

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2021/HNGĐ-ST

Ngày : 17/8/2021

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn,
chia tài sản chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quý Hòa;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2021/QĐXX-HN ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; nơi cư trú: khu phố T, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Huỳnh Hữu T, sinh năm 1969; nơi cư trú: khu phố C, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Năm 1993, chị B ở Hoài Đức, Hoài Nhon kết hôn với anh Huỳnh Hữu T ở thôn C, thị trấn Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tăng Bạt Hổ, sống với anh T tại thôn C. Sau đó vợ chồng vào Long Khánh làm ăn, năm 1995 chị B về Hoài Đức, Hoài Nhon, Bình Định sinh con chung tên Huỳnh Văn V, sinh ngày 18/01/1995. Anh T vào Vũng Tàu làm ăn, không có ở nhà, chị B gửi con cho bà Dương Thị N (mẹ ruột chị B) ở lại Khánh Tây để cùng với anh T đi làm ăn nhiều nơi. Năm 2009 anh T cắt khẩu cho chị B và con trai Huỳnh Văn V về Hoài Đức ở với bà ngoại (bà N) để đi học, đến năm 2011 bà N chết, chị B về ở luôn nhà mẹ ruột tại thôn T, Hoài Đức cho đến nay. Chị B xác định: Chị B và anh T không sống chung là từ năm 2011 cho đến nay, anh T cũng đã có người phụ nữ khác nên chị B xác định không còn tình cảm nữa, chị B xin ly hôn anh Huỳnh Hữu T.

Về con chung: Chị B xác định con chung Huỳnh Văn V đã trên 18 tuổi nên tự cháu quyết định, chị B không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Lúc khởi kiện, chị B có yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà của vợ chồng xây dựng trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 23, diện tích (200m² đất ở, 725m² đất vườn) tại khu phố C, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân. Nhưng nay chị B tự nguyện rút phần chia tài sản chung, không yêu cầu nữa.

- Bị đơn, anh Huỳnh Hữu T trình bày: Anh T đồng ý với bản khai của chị B về quá trình kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng. Anh T còn thương chị B, nhưng chị B kiên quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung, tài sản chung: Anh T không có yêu cầu gì.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chưa đảm bảo về việc tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 412/TB-TA ngày 23/4/2021, giấy triệu tập cho nguyên đơn; còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Về nội dung giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, nguyên đơn rút phần yêu cầu chia tài sản chung, bị đơn không yêu cầu phản tố nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Nguyễn Thị B ở Hoài Đức, Hoài Nhon kết hôn với anh Huỳnh Hữu T ở thôn C, thị trấn Tăng Bạt Hổ, Hoài Ân, Bình Định, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tăng Bạt Hổ vào năm 1993 nên hôn nhân đó là hợp pháp. Vợ chồng chị B và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Văn V, sinh ngày 18/01/1995 là thực tế. Theo chị B thì: Chị B và anh T không sống chung với nhau là từ năm 2011 cho đến nay, anh T cũng đã có người phụ nữ khác nên chị B xác định không còn tình cảm nữa, chị B xin ly hôn anh Huỳnh Hữu T. Về con chung: Cháu V đã trên 18 tuổi nên tự cháu quyết định, chị B không có ý kiến gì. Về tài sản chung: Lúc khởi kiện, chị B có yêu cầu chia tài sản chung, nay chị B tự nguyện rút phần chia tài sản chung, không yêu cầu nữa.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ. Tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn anh Huỳnh Hữu T không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, cả chị B, anh T đều có đơn xin vắng mặt; Hội đồng xét xử áp dụng vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị B.

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung từ năm 2011 cho đến nay. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị B xin ly hôn anh Huỳnh Hữu T, anh T cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị B không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Lúc khởi kiện, chị B có yêu cầu, nay chị B tự nguyện rút khởi kiện phần chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Đối với bị đơn Huỳnh Hữu T.

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung từ năm 2011 cho đến nay. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị B xin ly hôn anh Huỳnh Hữu T, anh T đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh T không có yêu cầu gì.
- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

[4]. Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng là đảm bảo, tuy nhiên chưa đảm bảo việc tổng đạt văn bản tố tụng, vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên rút kinh nghiệm trong vụ án khác; Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đình chỉ phân chia tài sản chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị B được ly hôn Huỳnh Hữu T.
- Về con chung: Các bên không có yêu cầu.
- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết phân chia tài sản chung.

[6]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị B nộp án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị B được ly hôn Huỳnh Hữu T.

- Về con chung: Các bên không có yêu cầu.
- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết phân chia tài sản chung.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn:

Chị Nguyễn Thị B nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng theo biên lai thu số: 0001821 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn được trả lại 300.000 đồng.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vân